

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **582 /TCHQ-GSQL**

Hà Nội, ngày 24 tháng 01 năm 2019

V/v cập nhật tờ khai thủ công vào
hệ thống E-Customs V5

Kính gửi: Cục Hải quan các tỉnh, thành phố.

Theo quy định tại Phần VIII quy trình ban hành kèm theo Quyết định số 1966/QĐ-TCHQ ngày 10/7/2015 của Tổng cục Hải quan đối với trường hợp khai hải quan trên tờ khai giấy sau khi hoàn thành việc kiểm tra hồ sơ (đối với tờ khai luồng vàng) và sau khi có kết quả kiểm tra thực tế (đối với tờ khai luồng đỏ) thì công chức hải quan phải nhập các thông tin trên tờ khai hải quan vào Hệ thống thông qua phần mềm trung gian (E-Customs V5). Tuy nhiên, qua rà soát thông tin trên Hệ thống E-Customs V5 cho thấy, tại một số Chi cục Hải quan, việc cập nhật thông tin chưa được chính xác hoặc vẫn còn tồn các tờ khai giấy chưa cập nhật (danh sách đính kèm).

Để đảm bảo thực hiện nghiêm túc việc cập nhật đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin chi tiết của tờ khai giấy vào Hệ thống E-Customs V5, Tổng cục Hải quan đề nghị Cục trưởng Cục Hải quan các tỉnh, thành phố:

1. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện nghiêm túc việc rà soát và cập nhật toàn bộ tờ khai giấy đã phát sinh trong năm 2017, 2018 vào Hệ thống E-Customs V5.

2. Các tờ khai giấy phát sinh mới phải thực hiện nghiêm túc việc cập nhật theo đúng quy định tại Quyết định số 1966/QĐ-TCHQ nêu trên.

Đề nghị các đơn vị hoàn thành việc cập nhật các tờ khai nêu tại điểm 1 và gửi thông tin rà soát bằng văn bản (số lượng tờ khai phát sinh, số lượng tờ khai đã cập nhật vào hệ thống, số lượng tờ khai chưa cập nhật vào hệ thống, lý do chưa được cập nhật) về Tổng cục Hải quan trước ngày 01/03/2019 (file mềm gửi về email: lyttc@customs.gov.vn).

Tổng cục Hải quan thông báo đề Cục Hải quan các tỉnh, thành phố biết, thực hiện./

Nơi nhận:

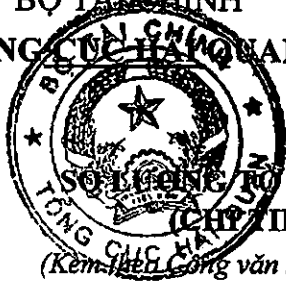
- Như trên;
- Cục CNTT & TKHQ (để p/hợp);
- Lưu: VT, GSQL (03b).

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Mai Văn Thành

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN



Phụ lục I:

SỐ LƯỢNG TỜ KHAI GIẤY ĐÃ CẤP SỐ NHƯNG CHƯA NHẬP MÁY
(CHỈ TIẾT THEO CHI CỤC) TỪ 01/01/2018 - 10/12/2018
(Kèm theo Công văn số 582/TCHQ-GSQL ngày 24/01/2019 của Tổng cục Hải quan)

Mã Hải quan	Cục Hải quan	Tên Chi cục	Tổng số tờ khai (tờ)
50BB	An Giang	Chi cục HQ CK Tỉnh Biên	1
51CB	Bà Rịa - Vũng Tàu	Chi cục HQ CK Cảng - Sân bay Vũng Tàu	87
51C1	Bà Rịa - Vũng Tàu	Chi cục HQ CK Cảng Phú Mỹ	7
51BE	Bà Rịa - Vũng Tàu	Chi cục HQ Cảng Cát Lờ	6
51CI	Bà Rịa - Vũng Tàu	Chi cục HQ CK cảng Cái Mép	5
51C2	Bà Rịa - Vũng Tàu	Chi cục HQ CK Cảng Phú Mỹ	3
18A3	Bắc Ninh	Chi cục HQ Bắc Ninh	66
18BC	Bắc Ninh	Chi cục HQ Quản lý các KCN Bắc Giang	23
18B1	Bắc Ninh	Chi cục HQ Thái Nguyên	6
18ID	Bắc Ninh	Chi cục HQ Cảng nội địa Tiên Sơn	3
18BE	Bắc Ninh	Chi cục HQ Quản lý các KCN Yên Phong	1
37CB	Bình Định	Chi cục HQ CK Cảng Qui Nhơn	2
43CN	Bình Dương	Chi cục HQ CK Cảng tổng hợp Bình Dương	2
61BC	Bình Phước	Chi Cục HQ Cửa khẩu Lộc Thịnh	2
34CE	Đà Nẵng	Chi cục HQ CK Cảng Đà Nẵng	81
34AB	Đà Nẵng	Chi cục HQ CK Sân bay Quốc tế Đà Nẵng	23
34NG	Đà Nẵng	Chi cục HQ KCN Hòa Khánh - Liên Chiểu	3
34NH	Đà Nẵng	Chi cục HQ KCN Đà Nẵng	1
34CC	Đà Nẵng	Chi cục HQ Quản lý hàng đầu tư - gia công	1
40D1	Đắk Lắk	Chi cục HQ Đà Lạt	1
12B2	Điện Biên	Chi cục HQ CK Quốc tế Tây Trang	3
12B1	Điện Biên	Chi cục HQ CK Quốc tế Tây Trang	1
47XE	Đồng Nai	Chi cục HQ KCX Long Bình	10
47NB	Đồng Nai	Chi cục HQ Biên Hoà	4
47NG	Đồng Nai	Chi cục HQ Nhơn Trạch	3
47NF	Đồng Nai	Chi cục HQ Thống Nhất	2
47I1	Đồng Nai	Chi cục HQ Long Bình Tân	1
47D3	Đồng Nai	Chi cục HQ Long Thành	1
49BG	Đồng Tháp	Chi cục HQ CK Dinh Bà	1
38BC	Gia Lai - Kon Tum	Chi cục HQ CK Bờ Y	1
28PC	Hà Nam Ninh	Chi cục HQ Ninh Bình	16
28PE	Hà Nam Ninh	Chi cục HQ Nam Định	2
01B1	Hà Nội	Chi cục HQ CK Sân bay quốc tế Nội Bài	3.958
01DD	Hà Nội	Chi cục HQ chuyển phát nhanh HN	2.541
01E1	Hà Nội	Chi cục HQ Bắc Hà Nội	703
01B3	Hà Nội	Chi cục HQ CK Sân bay quốc tế Nội Bài	253
01IK	Hà Nội	Chi cục HQ Gia Thụy	87
01NV	Hà Nội	Chi cục HQ KCN Bắc Thăng Long	50
01E2	Hà Nội	Chi cục HQ Bắc Hà Nội	50
01B6	Hà Nội	Chi cục HQ CK Sân bay quốc tế Nội Bài	41
01B5	Hà Nội	Chi cục HQ CK Sân bay quốc tế Nội Bài	34
01AB	Hà Nội	Chi cục HQ CK Sân bay quốc tế Nội Bài	11
01PJ	Hà Nội	Chi cục HQ Phú Thọ	2
01M2	Hà Nội	Chi cục HQ Hòa Lạc	2
30F1	Hà Tĩnh	Chi cục HQ CK Cảng Vũng Áng	15

h

Mã Hải quan	Cục Hải quan	Tên Chi cục	Tổng số tờ khai (tờ)
30BB	Hà Tĩnh	Chi cục HQ CK Quốc tế Cầu Treo	13
03CE	Hải Phòng	Chi cục HQ CK cảng Hải Phòng KV II	104
03TG	Hải Phòng	Chi cục HQ CK cảng Hải Phòng KV III	74
03EE	Hải Phòng	Chi cục HQ CK Cảng Đình Vũ	20
03NK	Hải Phòng	Chi cục HQ KCX và KCN	20
03CC	Hải Phòng	Chi cục HQ CK cảng Hải Phòng KV I	16
03PJ	Hải Phòng	Chi cục HQ Hải Dương	14
03PL	Hải Phòng	Chi cục HQ Hưng Yên	6
03PA	Hải Phòng	Chi cục HQ Quản lý hàng đầu tư - gia công	6
03CD	Hải Phòng	Chi cục HQ Thái Bình	1
41PE	Khánh Hòa	Chi cục HQ Vân Phong	33
41CB	Khánh Hòa	Chi cục HQ CK Cảng Nha Trang	2
53BC	Kiên Giang	Chi cục HQ CK Quốc Tế Hà Tiên	1
15BE	Lạng Sơn	Chi cục HQ Tân Thanh	12
15BB	Lạng Sơn	Chi cục HQ CK Hữu Nghị	6
15BC	Lạng Sơn	Chi cục HQ CK Chi Ma	2
15BD	Lạng Sơn	Chi cục HQ Cốc Nam	2
48CF	Long An	Chi cục HQ Bến Lức	8
48BI	Long An	Chi cục HQ Đức Hòa	2
29PF	Nghệ An	Chi cục HQ Vinh	7
60BD	Quảng Nam	Chi cục HQ CK Nam Giang	1
35CB	Quảng Ngãi	Chi cục HQ CK Cảng Dung Quất	8
20B2	Quảng Ninh	Chi cục HQ CK Móng Cái	1
20CG	Quảng Ninh	Chi cục HQ CK Cảng Cẩm Phả	1
32BB	Quảng Trị	Chi cục HQ CK Lao Bảo	31
45B1	Tây Ninh	Chi cục HQ CK Mộc Bài	5
45F1	Tây Ninh	Chi cục HQ KCN Trảng Bàng	1
27B1	Thanh Hóa	Chi cục HQ CK Quốc tế Na Mèo	15
27F1	Thanh Hóa	Chi cục HQ CK Cảng Thanh Hóa	3
33PD	Thừa Thiên - Huế	Chi cục HQ Thủy An	1
02B1	TP Hồ Chí Minh	Chi cục HQ CK Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất	14.968
02CI	TP Hồ Chí Minh	Chi cục HQ CK Cảng Sài Gòn KV I	140
02IK	TP Hồ Chí Minh	Chi cục HQ CK Cảng Sài Gòn KV IV	128
02H3	TP Hồ Chí Minh	Chi cục HQ CK Cảng Sài Gòn KV III	40
02H2	TP Hồ Chí Minh	Chi cục HQ CK Cảng Sài Gòn KV III	25
02CV	TP Hồ Chí Minh	Chi cục HQ CK Cảng Hiệp Phước	7
02DS	TP Hồ Chí Minh	Chi cục HQ Chuyển phát nhanh	5
02PG	TP Hồ Chí Minh	Chi cục HQ Quản lý hàng đầu tư	4
02F2	TP Hồ Chí Minh	Chi cục HQ KCX Linh Trung	2
02CC	TP Hồ Chí Minh	Chi cục HQ CK Cảng Sài Gòn KV II	2
02H1	TP Hồ Chí Minh	Chi cục HQ CK Cảng Sài Gòn KV III	1
02PJ	TP Hồ Chí Minh	Chi cục HQ Quản lý hàng gia công	1
02XE	TP Hồ Chí Minh	Chi cục HQ KCX Tân Thuận	1
		Tổng	23.856



Phụ lục II

**SỐ LƯỢNG TỜ KHAI GIẤY ĐÀ CẤP SỐ NHƯNG CHƯA NHẬP MÁY
(CHI TIẾT THEO CHI CỤC) NĂM 2017**

(Kèm theo Công văn số **582** TCHQ-GSQL ngày **24/01/2019** của Tổng cục Hải quan)

Mã Hải quan	Cục Hải quan	Tên Chi cục	Tổng số tờ khai (tờ)
01AB	Hà Nội	Chi cục HQ CK Sân bay quốc tế Nội Bài	2
01B1	Hà Nội	Chi cục HQ CK Sân bay quốc tế Nội Bài	40
01B3	Hà Nội	Chi cục HQ CK Sân bay quốc tế Nội Bài	279
01B5	Hà Nội	Chi cục HQ CK Sân bay quốc tế Nội Bài	32
01B6	Hà Nội	Chi cục HQ CK Sân bay quốc tế Nội Bài	37
01DD	Hà Nội	Chi cục HQ chuyển phát nhanh HN	450
01E2	Hà Nội	Chi cục HQ Bắc Hà Nội	51
01IK	Hà Nội	Chi cục HQ Gia Thụy	9
01M2	Hà Nội	Chi cục HQ Hòa Lạc	3
01NV	Hà Nội	Chi cục HQ KCN Bắc Thăng Long	24
01PL	Hà Nội	Chi cục HQ Quản lý hàng đầu tư - gia công	1
02B1	TP Hồ Chí Minh	Chi cục HQ CK Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất	3213
02CC	TP Hồ Chí Minh	Chi cục HQ CK Cảng Sài Gòn KV II	2
02CI	TP Hồ Chí Minh	Chi cục HQ CK Cảng Sài Gòn KV I	40
02CV	TP Hồ Chí Minh	Chi cục HQ CK Cảng Hiệp Phước	3
02DS	TP Hồ Chí Minh	Chi cục HQ Chuyển phát nhanh	23
02F2	TP Hồ Chí Minh	Chi cục HQ KCX Linh Trung	1
02H3	TP Hồ Chí Minh	Chi cục HQ CK Cảng Sài Gòn KV III	23
02IK	TP Hồ Chí Minh	Chi cục HQ CK Cảng Sài Gòn KV IV	150
02PJ	TP Hồ Chí Minh	Chi cục HQ Quản lý hàng gia công	2
02XE	TP Hồ Chí Minh	Chi cục HQ KCX Tân Thuận	3
03CC	Hải Phòng	Chi cục HQ CK cảng Hải Phòng KV I	5
03CE	Hải Phòng	Chi cục HQ CK cảng Hải Phòng KV II	8
03EE	Hải Phòng	Chi cục HQ CK Cảng Đình Vũ	2
03NK	Hải Phòng	Chi cục HQ KCX và KCN	4
03PJ	Hải Phòng	Chi cục HQ Hải Dương	14
03TG	Hải Phòng	Chi cục HQ CK cảng Hải Phòng KV III	48
11G2	Cao Bằng	Chi cục HQ CK Bí Hà	1
12B2	Điện Biên	Chi cục HQ CK Quốc tế Tây Trang	1
12B1	Điện Biên	Chi cục HQ CK Chiềng Khương	1
15BB	Lạng Sơn	Chi cục HQ CK Hữu Nghị	38
15BC	Lạng Sơn	Chi cục HQ CK Chi Ma	52
15BD	Lạng Sơn	Chi cục HQ Cốc Nam	262
15BE	Lạng Sơn	Chi cục HQ Tân Thanh	92
15E4	Lạng Sơn	Chi cục HQ Tân Thanh	1
18B2	Bắc Ninh	Chi cục HQ Thái Nguyên	1
27B1	Thanh Hóa	Chi cục HQ CK Quốc tế Na Mèo	8
27F1	Thanh Hóa	Chi cục HQ CK Cảng Thanh Hóa	8
27F2	Thanh Hóa	Chi cục HQ CK Cảng Nghi Sơn	2
28PC	Hà Nam Ninh	Chi cục HQ Ninh Bình	1
30BB	Hà Tĩnh	Chi cục HQ CK Quốc tế Cầu Treo	4
30F1	Hà Tĩnh	Chi cục HQ CK Cảng Vũng Áng	8

Handwritten signature

Mã Hải quan	Cục Hải quan	Tên Chi cục	Tổng số tờ khai (tờ)
32BB	Quảng Trị	Chi cục HQ CK Lao Bảo	33
34AB	Đà Nẵng	Chi cục HQ CK Sân bay Quốc tế Đà Nẵng	2
34CE	Đà Nẵng	Chi cục HQ CK Cảng Đà Nẵng	8
40B1	Đắk Lắk	Chi cục HQ CK BupRăng	3
40BC	Đắk Lắk	Chi cục HQ Buôn Mê Thuột	1
43K2	Bình Dương	Chi cục HQ KCN Mỹ Phước	1
45BE	Tây Ninh	Chi cục HQ CK Kà Tum	22
47D3	Đồng Nai	Chi cục HQ Long Thành	1
47NG	Đồng Nai	Chi cục HQ Nhơn Trạch	3
47XE	Đồng Nai	Chi cục HQ KCX Long Bình	1
48CF	Long An	Chi cục HQ Bến Lức	6
50BB	An Giang	Chi cục HQ CK Tịnh Biên	2
50BD	An Giang	Chi cục HQ CK Vĩnh Xương	1
51CB	Bà Rịa - Vũng Tàu	Chi cục HQ CK Cảng - Sân bay Vũng Tàu	1
54CD	Cần Thơ	Chi cục HQ CK Vĩnh Long	1
59BD	Cà Mau	Chi cục HQ Hòa Trung	1
61PA	Bình Phước	Chi cục HQ Chơn Thành	5
		Tổng	5.041